

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN H
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 49/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 27/5/2024.

V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lệ Thu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Danh On.

2. Ông Lâm Thái Hiệp.

- Thư ký phiên tòa: Ông Tô Hoàng Kha, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Danh Đạt - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 57/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 3 năm 2024 về “ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Cà Đ, sinh năm 1982 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

- Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1983 (vắng mặt).

Đăng ký thường trú: Ấp T, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

Chỗ ở: Ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 16 tháng 02 năm 2024 và lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Nguyễn Thị Cà Đ trình bày: Chị và anh Nguyễn Văn N xây dựng hôn nhân vào năm 2001 và không đăng ký kết hôn. Quá trình chung sống có 3 người con chung là cháu Nguyễn Văn Đ1, sinh ngày 12/9/2003; cháu Nguyễn Khánh T, sinh ngày 19/4/2010 và cháu Nguyễn Trọng N1, sinh ngày 12/02/2014. Hiện nay, các con đang sống cùng chị. Về tài sản chung, không có. Chị và anh N cũng không nợ tiền, tài sản của bất kỳ cá nhân, cơ quan, tổ chức tín dụng nào. Do quá trình chung sống, chị và anh N bất đồng quan điểm nên thường xuyên cãi nhau khiến tình cảm rạn nứt không thể hàn gắn được. Chị và

anh N đã sống ly thân từ năm 2020 và không có biện pháp gì hàn gắn mối quan hệ vợ chồng

Nay chị yêu cầu ly hôn với anh N. Về con chung, cháu Đ1 đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị yêu cầu được nuôi dưỡng cháu T và cháu N1, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung và nợ chung không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ngoài ra, chị không yêu cầu gì khác.

Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bị đơn anh Nguyễn Văn N từ khi Tòa án thụ lý vụ án đến khi mở phiên tòa xét xử, anh N đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án để trình bày ý kiến, Tòa án có đến nhà anh N để tiến hành lấy lời khai nhưng không gặp anh N nên Tòa án không ghi nhận được ý kiến của anh N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H, tỉnh Bạc Liêu trình bày việc tuân theo pháp luật của Tòa án: Từ khi thụ lý cho đến phiên tòa xét xử sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và N vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 71 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và N vụ tố tụng được quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố chị Đ và anh N không phải là vợ chồng. Về con chung, giao cháu T và cháu N1 cho chị Đ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Về cấp dưỡng nuôi con, chị Đ không yêu cầu nên không xem xét. Tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu nên không giải quyết. Về án phí: Chị Đ phải chịu án phí hôn nhân và gia đình theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền: Chị Nguyễn Thị Cà Đ nộp đơn khởi kiện đến Tòa án yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Văn N. Khi khởi kiện, anh N có địa chỉ tại ấp N, xã N, huyện H, tỉnh Bạc Liêu. Do vậy, Tòa án nhân dân huyện H thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị Nguyễn Thị Cà Đ có đơn yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt và anh Nguyễn Văn N đã được tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, quyết định đưa vụ án ra xét xử, quyết định hoãn phiên tòa, giấy triệu tập của Tòa án nhưng vắng mặt không có lý do, nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị Đ và anh N theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung:

[3.1] Về hôn nhân: Vào năm 2001 chị Đ và anh N tự nguyện chung sống với nhau như vợ chồng và không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, là hôn nhân không hợp pháp. Chị Đ cho rằng, trong quá trình chung sống, chị và

anh N thường xuyên bắt đồng quan điểm sống dẫn đến cãi nhau dẫn đến cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc. Đồng thời, chị Đ và anh N cũng đã sống ly thân từ năm 2020 mà không có biện pháp hàn gắn mối quan hệ vợ chồng. Quá trình giải quyết vụ án, anh N biết chị Đ yêu cầu ly hôn nhưng không đến Tòa án trình bày ý kiến và cũng không thể hiện thiện chí mong muốn hàn gắn quan hệ vợ chồng, điều này thể hiện thông qua việc Tòa án đã nhiều lần triệu tập anh N để hòa giải, xét xử nhưng anh N có thái độ bỏ mặc không đến hòa giải và xét xử. Xét thấy, do chị Đ và anh N không có đăng ký kết hôn, theo quy định khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình quy định: *“Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo Luật hôn nhân và gia đình chung sống với nhau như vợ chồng mà không có đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, N vụ giữa vợ và chồng. Quyền, N vụ đối với con, tài sản... được giải quyết theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình”*. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 14 Luật Hôn nhân và gia đình không công nhận chị Đ và anh N là vợ chồng.

[3.2] Về con chung: Chị Nguyễn Thị Cà Đ xác định, chị và anh N có 03 người con chung là cháu Nguyễn Văn Đ1, sinh ngày 12/9/2003; cháu Nguyễn Khánh T, sinh ngày 19/4/2010 và cháu Nguyễn Trọng N1, sinh ngày 12/02/2014. Hiện nay cháu Đ1 đã trưởng thành còn cháu T và cháu N1 đang sống cùng chị. Do cháu Đ1 đã trưởng thành nên chị Đ không đặt ra yêu cầu. Chị Đ yêu cầu được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu T và cháu N1. Xét thấy, việc giao con cho ai nuôi là phải xem xét toàn diện, đảm bảo điều kiện sống cho con chưa thành niên. Hiện nay, cháu T và cháu Nguyễn đang sống cùng chị Đ, cháu T và cháu N1 đang sống ổn định và phát triển bình thường. Đồng thời, cháu T và cháu N1 cũng có nguyện vọng sống cùng chị Đ. Do vậy, cần tiếp tục giao cháu Nguyễn Khánh T, sinh ngày 19/4/2010 và cháu Nguyễn Trọng N1, sinh ngày 12/02/2014 cho chị Đ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét. Anh N không trực tiếp nuôi con có quyền, Nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở theo quy định tại khoản 3 Điều 82 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3.3] Về tài sản chung và nợ chung không có và không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình chị Đ phải nộp 300.000 đồng. Chị Đ đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007544 ngày 07 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, được chuyển thu án phí.

[5] Các quan điểm đề xuất việc giải quyết vụ án của Kiểm sát viên tại phiên tòa, như đã phân tích, là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 14, 51, 53, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Quốc Hội về án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Không công nhận chị Nguyễn Thị Cà Đ và anh Nguyễn Văn N là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Khánh T, sinh ngày 19/4/2010 và cháu Nguyễn Trọng N1, sinh ngày 12/02/2014 cho chị Nguyễn Thị Cà Đ trực tiếp trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

Anh Nguyễn Văn N không trực tiếp nuôi con có quyền, Nghĩa vụ thăm nom con không ai được cản trở.

Về cấp dưỡng nuôi con, chị Nguyễn Thị Cà Đ không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Không có và không yêu cầu nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình chị Đ phải nộp 300.000 đồng. Chị Đ đã nộp tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007544 ngày 07 tháng 3 năm 2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H, được chuyển thu án phí.

Các đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo bản án trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được niêm yết.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện H;
- THADS huyện H;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Nguyễn Thị Lệ Thu